

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2018.

V/v “Ly hôn, nuôi con.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Ông **Nguyễn Văn Sanh.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Nhã Minh Hoàng** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2018 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Đình T**- Sinh năm: 1984. (có mặt).

Trú tại : Số K233/7 NT, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng .

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Ái M** - Sinh năm:1990.(Vắng mặt không có lý do).

Hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Tạm trú tại: K233/7 N T, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông **Nguyễn Đình T** trình bày:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và chị Nguyễn Hoàng Ái M kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống tại số 233/7 NT, quận Hải

Châu, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn năm 2015, nguyên nhân là do tính tính, quan điểm sống không phù hợp, hay xảy ra cãi cọ xô xát đồng thời bà M cũng có người đàn ông khác. Mặc dù chính quyền địa phương cũng đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay. Nay tôi giữ nguyên yêu cầu là xin được ly hôn với chị M.

+ **Về quan hệ con chung:** Chúng tôi có một con chung là Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010. Ly hôn tôi giao con cho chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ **Về tài sản chung:** Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung.

+ **Về nợ chung:** Chúng tôi không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên họp và phiên hòa giải bà M đều có mặt; Tại phiên tòa bà M vắng mặt, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ bà Nguyễn Thị Ái M để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Ái M đều vắng mặt không có lý do; trong quá trình phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì bà M có mặt và tham gia hòa giải đầy đủ và ý kiến bà M như sau:

+ **Về quan hệ hôn nhân:** Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình T về thời điểm, nơi đăng ký kết hôn và địa điểm nơi chúng tôi sinh sống sau khi kết hôn. Bà M xác nhận là giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và bà M có cung cấp tài liệu ông T có người đàn bà khác và cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017. Tuy nhiên, bà M xác định là hiện nay bà vẫn còn tình cảm với ông T. Nên bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

+ **Về quan hệ con chung:** Chúng tôi có một con chung là Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010. Nếu ly hôn bà đồng ý là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ **Về tài sản chung:** Trong quá trình chung sống, ông T làm giám đốc công ty có một số vốn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể số tiền bao nhiêu bà M sẽ cung cấp sau và bà có yêu cầu ông T phải mở tài khoản riêng cho con là 300.000.000 đồng.

+ **Về nợ chung:** Chúng tôi không có nợ chung.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với và bà M ;

Về con chung giao bà M trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010. ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có; Bà My xác định có tài sản nhưng không chứng minh và không cung cấp tài liệu chứng cứ được nên không đề cập giải quyết.

Về quan hệ nợ chung : Ông T và bà M xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi tạm trú của bà Nguyễn Thị Ái M tại địa chỉ: K233/7 NT, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ái M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ái M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Ái M tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân giữa ông T và bà M đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Đình T kiên quyết xin ly hôn với Nguyễn Thị Ái M vì lý do là do tính tính, quan điểm sống không phù hợp, hay xảy ra cãi cọ xô xát; đồng thời bà M ngoại tình với người đàn ông khác. Mặc dù đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ

chồng nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017 cho đến nay.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà M đã có mâu thuẫn trầm trọng cụ thể hai vợ chồng không thể tiếp tục hàng gần vì bất đồng quan điểm sống, cả hai cũng có người khác và đồng thời vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Đình T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ái M là có cơ sở.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đình T với bà Nguyễn Thị Ái M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông T và bà M xác định có một con chung là Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010. Ly hôn ông T và bà M thống nhất giao con cho bà M là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có yêu cầu bà M cho Tòa án tiến hành lấy lời khai cháu Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010 nhưng bà M không cho lấy lời khai của cháu M và cũng không hợp tác với Tòa án; xét về con chung ông T và bà M cũng thống nhất được về việc nuôi con cũng như cấp dưỡng; HĐXX xét thấy yêu cầu trên là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đình T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập giải quyết .

[2.4] Xét yêu cầu cử Bị đơn bà Nguyễn Hoàng Ái M: Về quan hệ Hôn nhân Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình T về thời điểm, nơi đăng ký kết hôn và địa điểm nơi chúng tôi sinh sống sau khi kết hôn. Bà M xác nhận là giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và ông T cũng có người phụ nữ khác và cả hai đã ly thân với nhau từ tháng 3/2017. Tuy nhiên, bà M xác định là hiện nay bà vẫn còn tình cảm với chồng con. Nên bà không đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu của ông T.

HĐXX xét thấy; Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện hai vợ chồng bà M và ông T đã xác nhận có mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống và cả hai đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2017; đồng thời bà M và ông T cả hai đều có nhân tình khác; đồng thời không ai còn quan tâm chăm sóc cho nhau; Việc bà M cho rằng là còn tình cảm với ông T và không đồng ý ly hôn với ông T là không phù hợp nên HĐXX không chấp nhận.

[2.5] Về quan hệ con chung: Bà M xác nhận có một con chung là Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010. Ly hôn bà đồng ý là người trực tiếp nuôi

dưỡng con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về con chung Bà M yêu cầu được nuôi con Nguyễn Hoàng Ái N; Ông T đồng ý giao con cho bà My trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[2.6] Về tài sản chung: Bà M cho rằng khi ông T còn làm giám đốc ông Nguyễn Đình T có một số vốn; Vì vậy ông T phải mở tài khoản riêng cho con là 300.000.000 đồng HĐXX xét thấy bà M không chứng minh được tài sản của ông T; trong quá trình giải quyết Tòa án yêu cầu bà M cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng bà không cung cấp được; Vì vậy HĐXX không có cơ sở để giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Bà xác nhận hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng án Phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Đình T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5; điểm b, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T đối với bà Nguyễn Thị Ái M.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Đình T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ái M.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Ái N, sinh ngày 09/11/2010 cho bà Nguyễn Thị Ái M trực tiếp nuôi dưỡng con chung ông Nguyễn Đình T có có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ái M có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Đình T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị Ái M không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng Nguyễn Đình T phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003646 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. (Ông T còn phải nộp thêm án phí cấp dưỡng 300.000 đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà Nguyễn Thị Ái M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND xã Đại An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Nguyễn Đức Hoàng

